

BÀN VỀ KHÁI NIỆM QUYỀN LỰC

LÊ MINH TIẾN *

“Le pouvoir est partout; ce n'est pas qu'il englobe tout, c'est qu'il vient de partout.” (Quyền lực hiện diện khắp nơi, không phải vì nó bao trùm tất cả mà vì nó đến từ mọi góc ngách của đời sống xã hội) [Michel Foucault., 1976. *La volonté de savoir*. Vol. I, p. 121-122].

1. Dẫn nhập

Quyền lực là một hiện tượng hiện diện gần như trong tất cả các mối quan hệ xã hội. Trong tất cả các mối quan hệ như mối quan hệ giữa Nhà nước với Nhà nước, giữa Nhà nước với các thiết chế thuộc xã hội dân sự, giữa cá nhân với cá nhân kể cả các mối quan hệ tương như rất riêng tư như mối quan hệ vợ - chồng cũng đều có sự hiện diện đâu đó của quyền lực. Đồng thời quyền lực cũng là một trong những khái niệm căn bản trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu như triết học, luật học, chính trị học và tất nhiên là cả xã hội học nữa. Bài viết này trước hết là một cố gắng suy tư mang tính dẫn nhập về khái niệm hết sức quan trọng này dưới góc độ xã hội học. Chúng tôi cố gắng đi sâu lại trong chùng mực có thể những định nghĩa về quyền lực, những đặc trưng của nó và cuối cùng là bàn đến một số quan điểm lý thuyết về quyền lực.

2. Về khái niệm quyền lực

Trước hết cần khẳng định một cách chắc chắn rằng quyền lực (power/le pouvoir) không phải là một khái niệm đơn nghĩa (monolithic concept) và vì vậy không phải ai cũng đều chấp nhận một định nghĩa duy nhất nào đó về khái niệm này, bởi mỗi người khi đề cập đến khái niệm này thì đều có những cách quan niệm riêng của mình. Chẳng hạn với Thomas Hobbes thì có rất nhiều kiểu quyền lực khác nhau như sắc đẹp, tình thân, sự giàu có, danh tiếng và nhà nước mà trong đó loại quyền lực mạnh nhất là quyền lực nhà nước. Với H. D. Lasswell và D. Kaplan thì quyền lực chính là việc “tham gia vào tiến trình ra quyết định” (decision-making process)¹; còn triết gia người Đức gốc Do Thái Hannah Arendt thì quyền lực là khả năng hành động một cách hài hòa của con người nhằm thuyết phục hoặc cưỡng bức người khác². Hoặc như nhà xã hội học J.A.A. Van Doorn (Hà Lan) thì quyền lực là khả năng của một người hoặc một nhóm người, trong khi theo đuổi những mục tiêu riêng của mình, kìm hãm sự lựa chọn trong hành động của những người hoặc nhóm người khác³. Tuy nhiên trong nghiên cứu về quyền lực, nhà xã hội học Max Weber (Đức) được xem là người đã đưa ra định nghĩa rõ ràng nhất về quyền lực và vì vậy định nghĩa của ông cũng thường xuyên được trích dẫn nhất. Theo ông, “quyền lực (Macht) trong xã hội là khả năng mà một kẻ hành động (actor) - trong một mối quan hệ nhất định - có thể đạt được mục đích như ý muốn của mình bất chấp sự phản kháng có thể có từ người khác cũng như những nền tảng của khả năng đó” [Md. Saidul Islam., 2008, p.2 và Guy Rocher., 1986, p.9]⁴.

Dù vậy, chính Weber cũng cho rằng khái niệm quyền lực là một khái niệm “phi dạng thức xét về mặt xã hội học” (sociologiquement amorphe), tức đây là một khái niệm quá tổng quát, quá rộng, mơ hồ và thể hiện tình trạng tiềm năng (état potentiel) rất khó xác định được. Chính vì vậy ông đã đưa ra một định nghĩa khác có thể được sử dụng vào việc phân tích các tình huống và cơ

* Giảng viên Khoa Xã hội học. Trường Đại học Mở TP.HCM

cấu cụ thể đó là khái niệm “sự thống trị” (Herrschaft) mà tiếng Anh hoặc tiếng Pháp đều dịch là “domination”. Với Weber, sự thống trị là toàn bộ các mối quan hệ xã hội mà ở đó quyền lực được thực thi theo những nguyên tắc đã được thừa nhận, tức sự thống trị chỉ diễn ra ở nơi mà quyền lực đã được xác lập và vận hành trên những nền tảng và nguyên tắc công khai hoặc ẩn giấu được sự thừa nhận bởi một phần hoặc tất cả mọi người. Nói cách khác, trong ngôn ngữ xã hội học, sự thống trị là quyền lực đã được cụ thể hóa dưới một dạng thức được thiết chế hóa hoặc bán thiết chế hóa⁵. Và vì đây là một khái niệm cụ thể có thể áp dụng dễ dàng trong phân tích các tình huống hay cơ cấu cụ thể nên Weber cũng đã xác định ra ba loại hình thống trị khác biệt nhau đó là sự thống trị theo truyền thống (domination traditionnelle), sự thống trị theo uy tín cá nhân (domination charismatique) và sự thống trị lý tính/hợp pháp (domination rationnelle/légale).

Trước hết là sự thống trị theo truyền thống. Đây là loại hình thống trị dựa trên niềm tin vào tính hợp thức của các truyền thống, sự tôn trọng tuyệt đối các khuôn mẫu văn hóa và tập quán đã được hình thành từ lâu đời. Như vậy chính các truyền thống, các khuôn mẫu văn hóa và các giá trị truyền thống chính là cội nguồn của loại hình thống trị này mà ví dụ điển hình là quyền lực của các hoàng đế Trung Hoa thời cổ đại, sự cai trị của giới quý tộc ở Âu châu thời Trung Cổ, hoặc quyền lực của các già làng trong các bộ tộc ít người.

Sự thống trị dựa trên sức hấp dẫn hay uy tín của cá nhân lại dựa trên sự phục tùng gần như tuyệt đối vào các khả năng gần như siêu việt của một cá nhân nào đó. Vì vậy mà các ngôi sao ca nhạc, các minh tinh màn bạc, các cầu thủ ngôi sao đều có thể sở hữu được loại hình thống trị này. Những nhân vật như Chúa Jésus, Mahatma Gandhi hay mục sư M. L. King... là điển hình của kiểu thống trị dựa trên sức hút, uy tín cá nhân. Tuy nhiên đây là loại hình thống trị hoàn toàn phi lý tính bởi nó bắt nguồn từ sự tôn sùng, lòng yêu mến, sự tôn kính của con người đối với một người nào đó và vì vậy rất dễ dẫn đến chủ nghĩa sùng bái cá nhân trong xã hội.

Sự thống trị lý tính/hợp pháp là hình thức thống trị theo pháp luật trong một nhà nước pháp quyền, tức là loại thống trị được hợp pháp hóa bằng các qui tắc và qui định đã được pháp luật ban hành. Đây chính là sự thống trị trong các xã hội hiện đại, bởi những người nắm giữ quyền lực hay sự thống trị trong các xã hội này đều phải trải qua các thủ tục pháp lý đã được ban hành, chẳng hạn như phải chiến thắng trong các cuộc bầu cử tự do chẳng hạn.

Có thể nhận thấy ba loại hình thống trị này tương ứng với ba trạng thái phát triển của xã hội loài người mà Auguste Comte đã bàn đến trong tác phẩm *Cours de philosophie positive* (Những bài giảng về triết học thực chứng) vào năm 1826 mà theo đó, xã hội loài người phát triển theo ba giai đoạn là giai đoạn thần học hay giả tưởng (état théologique or fictif), kế đến là giai đoạn siêu hình hay trừu tượng (état métaphysique or abstrait) và giai đoạn cuối cùng là giai đoạn khoa học hay thực chứng (état scientifique or positif) [J-P. Durand et R. Weil., 1999, p.22].

3. Những đặc trưng của quyền lực

Mặc dù có những định nghĩa khác nhau nhưng quyền lực mang những đặc trưng mang tính phổ quát như sau:

- Quyền lực không phải là một thứ gì đó hay một vật phẩm mà người ta có thể sở hữu được, nhưng nó là một **mối quan hệ** (une relation), tức là quyền lực chỉ xảy ra trong và thông qua các mối tương tác giữa hai cá nhân hoặc hai nhóm người hay giữa các thiết chế với nhau mà thôi. Không một ai lại nói rằng mình có quyền lực với chính bản thân mình, mà chỉ có thể nói rằng mình có quyền lực khi so với một ai đó trong các mối quan hệ tương tác qua lại. Tuy nhiên, một cá nhân nào đó có thể sở hữu những nguồn lực tiềm tàng làm cơ sở cho quyền lực như tiền bạc, tri thức, sắc đẹp... nhưng quyền lực chỉ tồn tại khi nó được thể hiện ra trong những hành động giữa ít nhất là từ hai chủ thể hành động trở lên mà thôi. Có nghĩa khi nói đến quyền lực thì phải đặt nó trong

tiến trình tương tác xã hội giữa các chủ thể hành động.

- Quyền lực của một cá nhân có thể là quyền lực tiềm năng (*pouvoir potentiel*) hoặc quyền lực hiện thực (*pouvoir effectif*). Một chủ thể hành động nào đó có được quyền lực tiềm năng là người sở hữu những nguồn lực và có thể sử dụng được chúng trong tương tác với những chủ thể hành động khác. Quyền lực tiềm năng sẽ trở thành quyền lực hiện thực khi các nguồn lực ấy được sử dụng trong các hành động xã hội (*social actions*) của cá nhân theo ý nghĩa mà M. Weber gán cho thuật ngữ này.

- Quyền lực có thể mang hai tính chất khác nhau: hoặc mang tính định hướng hành động cho người khác (*promotive manner*), hoặc mang tính ngăn ngừa hành động của người khác (*preventive manner*). Với loại quyền lực định hướng là khi một cá nhân nào đó buộc (những) người khác làm những điều mà (những) người đó phải làm; với quyền lực ngăn ngừa thì cá nhân có buộc được (những) người khác không được làm những điều mà họ có thể sẽ làm.

- Quyền lực cũng có thể mang tính chất cân bằng (*balanced power*) hoặc không cân bằng (*unbalanced power*) khi thể hiện trong các tương tác giữa các chủ thể hành động. Quyền lực cân bằng là khi các chủ thể hành động đều có cùng mức độ gây ảnh hưởng và tác động lên các chủ thể hành động khác và mỗi người đều nhận được những lợi ích như nhau. Quyền lực không cân bằng xảy ra trong tình huống mà ở đó chỉ có một hoặc một số ít chủ thể hành động có sự tác động hay kiểm soát mạnh mẽ hơn đối với các chủ thể khác và do đó nhận được nhiều lợi ích hơn các chủ thể hành động còn lại

4. Các hướng tiếp cận lý thuyết về quyền lực

4.1. Quan niệm Mác-xít về quyền lực

Trong quan niệm của chủ nghĩa Mác, nguồn gốc của quyền lực nằm ở quá trình sản xuất kinh tế, bởi bất cứ một dân tộc nào cũng đều phải sản xuất ra các sản phẩm vật chất và dịch vụ nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người, tức kinh tế là nền tảng quan trọng nhất của mọi xã hội. Cũng theo quan niệm của Mác thì trong từng giai đoạn phát triển của xã hội sẽ có phương thức sản xuất tương ứng⁶ và trong mỗi phương thức sản xuất lại bao gồm hai thành tố là lực lượng sản xuất (*forces of production*) và quan hệ sản xuất (*relations of production*). Lực lượng sản xuất bao gồm lực lượng lao động, công cụ và thiết bị lao động, nhà xưởng, công nghệ, nguyên vật liệu và đất đai được sử dụng. Quan hệ sản xuất bao gồm các quan hệ sở hữu, các quan hệ kiểm soát và phân chia các tài sản đã được sản xuất trong xã hội, thông thường được đưa ra trong các hình thức của luật, lệ và các quan hệ giữa các giai cấp xã hội. Như vậy có thể thấy rằng chính quan hệ sản xuất là nguồn gốc đầu tiên của quyền lực bởi vì ai thống trị phương thức sản xuất tức nắm giữ các lực lượng sản xuất (sở hữu các tư liệu sản xuất) thì người đó cũng là người nắm giữ quyền lực trong xã hội. Với quan niệm của Mác thì sở hữu mới là nguồn gốc thật sự của quyền lực, còn các thao tác dân chủ như bầu cử chẳng hạn chỉ mang tính hình thức mà thôi [M. Duverger., 1973, p. 206.]. Vấn đề đặt ra là khi xã hội không còn giai cấp, không còn sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất thì quyền lực xã hội còn tồn tại hay không và tồn tại như thế nào? Liệu khi có sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất thì quyền lực cũng sẽ được chia đều cho tất cả mọi người? Khi quyền sở hữu và quyền thực hiện được tách rời thì lý giải thế nào về quyền lực? Có lẽ là những câu hỏi cần được thảo luận một cách sâu rộng hơn.

4.2. Quan niệm của thuyết ưu tuyển về quyền lực

Nếu quan niệm Mác-xít nhấn mạnh đến nguồn gốc kinh tế thì quan niệm của lý thuyết ưu tuyển (*Theory of Elitism*) với những đại diện như nhà xã hội học-kinh tế học Wilfredo Pareto

(Italia)⁷, Robert Michels (Đức)⁸, Gaetano Mosca (Italia)⁹ hay nhà xã hội học Charles. W. Mills (Mỹ)¹⁰ lại cho rằng việc quyền lực nằm trong tay một số nhóm ưu tuyển, “thiểu số thống trị đa số” là điều không thể tránh khỏi trong mọi xã hội loài người kể cả trong các xã hội xã hội chủ nghĩa, tức quan điểm lý thuyết này bác bỏ lập luận của lý thuyết Mác-xít (mặc dù cả hai lý thuyết đều giống nhau khi cho rằng quyền lực chỉ tập trung vào trong một thiểu số nào đó trong xã hội mà thôi) vốn cho rằng khi xã hội không còn giai cấp, không còn sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất thì quyền lực sẽ được chia đều cho tất cả mọi người (power equality). Đồng thời lý thuyết này cũng chứng minh rằng quá trình dân chủ hóa không làm mất đi tầm ảnh hưởng về mặt chính trị nơi tầng lớp “ưu tuyển” (elite) hay “lãnh đạo” (leader) trong xã hội, bởi sự phân chia giữa tầng lớp ưu tuyển nắm giữ quyền lực và đại chúng bị thống trị còn lại là điều mang tính chất tự nhiên, bởi đại chúng (the mass) không thể tự lãnh đạo hay thống trị chính mình.

Thật vậy, trong mọi cộng đồng và mọi tập hợp có tính độc lập tương đối luôn có xu hướng được tổ chức theo mô hình hình kim tự tháp **một cách tự nhiên** và tầng lớp trên đỉnh của kim tự tháp tạo thành tầng lớp ưu tuyển trong xã hội, và mọi trao đổi trong lòng tập hợp hay cộng đồng đều mang tính bất bình đẳng giữa tầng lớp ưu tuyển so với các tầng lớp bên dưới. Tầng lớp ưu tuyển có thể chỉ là một thiểu số (và khó nhận diện trong các xã hội có qui mô lớn), nhưng là một thiểu số được tổ chức nhằm áp đặt ý chí của mình cho đa số mù mờ và thụ động còn lại. Sự thịnh vượng của tổ chức hay tập hợp (và xã hội) tùy thuộc vào sự cân bằng nội tại của tầng lớp này cũng như sự cố kết và thái độ của nó đối với quyền lực mà họ đang nắm giữ trong tay. [B. Valade., 1990, p. 286-287]. Tầng lớp ưu tuyển cũng luôn biết cách giữ vững địa vị thống trị của mình thông qua hàng loạt công cụ như kiểm soát nhà nước, chi phối nền kinh tế, sử dụng sức mạnh của cảnh sát và quân đội, thao túng nền giáo dục và các phương tiện truyền thông đại chúng, tạo ra các ý thức hệ biện hộ cho vị trí vai trò của mình trong xã hội (niềm tin, các giá trị chuẩn mực, các huyền thoại...) và trừng phạt hoặc loại bỏ những cá nhân hay nhóm đối nghịch. Chính vì vậy, muốn hiểu được một xã hội nào đó thì trước tiên, cần phải tìm hiểu tầng lớp ưu tuyển trong xã hội ấy, những nền tảng tạo nên quyền lực cũng như cách thức thể hiện quyền lực của tầng lớp này. Do vậy, R. Michels đã khẳng định rằng “ai nói đến tổ chức là nói đến chế độ đầu sỏ”, tức là mọi tổ chức đều hướng tới “chế độ đầu sỏ” mà ông gọi là “qui luật muôn đời của chế độ đầu sỏ” (Iron Law of Oligarchy) và vì vậy, một nền xã hội dân chủ là điều bất khả cả về mặt lý thuyết lẫn trên thực tiễn [R. Michels., 2001, p. 224]. Chẳng hạn như trong quan sát của Mills, thì xã hội Mỹ kể từ sau Thế chiến lần II, quyền lực quốc gia chỉ tập trung trong ba khu vực là kinh tế, chính trị và quân sự được ông gọi là “ba ông lớn” (the big three) trong xã hội Mỹ. Các lĩnh vực khác như tôn giáo, giáo dục và gia đình chỉ là những thiết chế chịu sự chi phối của ba lĩnh vực quyền lực kia và vì vậy chúng không phải là những thiết chế có tính độc lập. Các thành viên trong nhóm ba ông lớn có thể chuyển qua lại với nhau để duy trì địa vị “ưu tuyển” của mình trong xã hội [C. W. Mills., 1957, p. 6]. Vì vậy chúng ta không ngạc nhiên khi thấy các thành viên trong chính phủ Mỹ phần lớn được lấy từ giới doanh nhân (khu vực kinh tế) hoặc giới tướng lĩnh quân đội (khu vực quân sự).

4.3. Quyền lực dưới nhãn quan đa thể

Ngược lại với quan điểm ưu tuyển vừa nêu trên, lý thuyết đa thể (Pluralism)¹¹ lại cho rằng trong các xã hội công nghiệp hiện đại, quyền lực không tập trung vào trong tay một nhóm ưu tuyển hay những người thống trị hình thái sản xuất mà nó được phân tán cho nhiều nhóm khác nhau trong xã hội. Đồng thời, quyền lực có thể sẽ được “phi tập trung hóa” (decentralized) hoàn toàn nếu mô hình đa nguyên thấm nhập hoàn toàn trong xã hội. Quả vậy trong các xã hội hiện đại luôn có rất nhiều nhóm, nhiều thiết chế xã hội khác nhau và lẽ dĩ nhiên, những nhóm hay thiết chế ấy đều có một số quyền lực nhất định tùy theo vị trí vai trò của mình trong xã hội. Như vậy với lý thuyết

này thì không thể có một trung tâm quyền lực duy nhất mà là “đa trung tâm quyền lực” trong xã hội, và những quyết định được đưa ra đều là kết quả của sự đồng thuận giữa các nhóm hay tổ chức khác nhau trong xã hội và nhà nước chỉ đóng vai trò là trọng tài trong việc thực thi các quyết định đó mà thôi.

Mô hình đa thể về quyền lực đã được Alexis de Tocqueville¹² quan sát thấy trong xã hội Mỹ mà theo đó, tại Mỹ, cái đa số (majority) nắm giữ quyền tuyệt đối trong việc tạo ra luật và giám sát việc thi thành luật trong xã hội và đa số cũng có sự kiểm soát công bằng trên những người cai trị lẫn những người bị trị. Như vậy theo Tocqueville thì tại Mỹ, cái đa số nắm giữ quyền lực chứ không phải là cái thiểu số và ông gọi hiện tượng này là “sự chuyên chế của cái đa số” (tyranny of the majority/ tyrannie de la majorité) [A. de Tocqueville., 2002, p. 380]. Những nhận định của Tocqueville đã được Robert Dahl xác nhận lại trong tác phẩm *Who Governs?* (Ai đang lãnh đạo?) khi ông nghiên cứu về vấn đề quyền lực tại New Haven (Connecticut, Mỹ). Theo kết luận của Dahl thì qua hai thế kỷ nghiên cứu, New Haven đã chuyển từ nền chính trị đầu sỏ sang nền **chính trị đa thể bởi không một nhóm ưu tuyển đơn lẻ nào có đủ quyền lực để thống trị toàn xã hội hoặc tự mình đưa ra hết mọi** quyết định hệ trọng. Như vậy, với quan điểm đa thể thì xã hội là một không gian rộng lớn dành cho tất cả mọi người và mọi người đều có thể có được quyền lực, bởi quyền lực không phải là thứ sở hữu riêng của bất cứ ai hay bất cứ tầng lớp ưu tuyển nào trong xã hội.

4.4. Quyền lực theo quan điểm nữ quyền

Nhân quan nữ quyền về quyền lực cũng là một (Feminist Theory of Power) cũng là một khuynh hướng tư duy rất đáng chú ý trong nghiên cứu về quyền lực. Theo quan điểm nữ quyền thì quyền lực xuất phát từ cấp độ cá nhân, tức là xuất phát từ mối quan hệ giữa nam và nữ trong xã hội nhất là trong bối cảnh gia đình, bởi luật pháp hiện mới chỉ nói đến sự bình đẳng nam nữ ở các lĩnh vực ngoài gia đình, còn tại gia đình thì nam giới vẫn ở vị trí thống trị còn nữ giới vẫn ở vị trí bị trị. Sylvia Walby đã xác định sáu lĩnh vực là nguồn gốc tạo nên sự thống trị của nam giới là: lao động được trả lương (paid work), việc nhà (household work), văn hóa (hình ảnh, cơ thể phụ nữ chỉ được đánh giá ở khía cạnh thu hút về tính dục), tình dục, bạo lực (nam giới thường sử dụng bạo lực để kiểm soát nữ giới) và nhà nước (nam giới luôn chiếm số đông). Với Jean Baker Miller thì cách giải thích về quyền lực theo nhân quan nữ quyền có thể mang lại cách hiểu mới hoàn toàn về khái niệm quyền lực. Theo Miller thì cách hiểu về quyền lực lâu nay phản ánh rõ nét nhân giới phụ quyền khi luôn định nghĩa quyền lực như là sự thống trị, quyền lực trên một ai đó (power-over) chứ không phải là quyền lực với người khác (power-with). Quyền lực với là khả năng mọi người cùng phối hợp với nhau trong các mối quan hệ tương tác nhằm làm thay đổi (tự thay đổi và giúp người khác thay đổi) chứ không phải để thống trị hay hạn chế quyền lực của người khác. Như vậy quan niệm nữ quyền về quyền lực rất gần với quan niệm “năng lẫm lực” (empowerment) trong khoa phụ nữ học (Women’s Studies) và phát triển cộng đồng (Community Development).

5. Kết luận

Quyền lực là một khái niệm rộng, đa chiều kích mà bài viết này mới chỉ đề cập đến một số khía cạnh cũng như lý thuyết mang tính chất dẫn nhập mà thôi. Còn rất nhiều những quan điểm khác về quyền lực mà chúng tôi chưa có điều kiện tiếp cận và tìm hiểu, chẳng hạn như các quan điểm của Michel Foucault về “sinh quyền lực” (biopower), “quyền lực tri thức” (power-knowledge) hay “quyền lực mục vụ” (pastoral power).

Bên cạnh đó những suy nghĩ về vấn đề quyền lực tại Việt Nam có lẽ cũng cần được thực hiện theo như tác giả Chiến Thắng trong bài viết “Sao cho được lòng dân?” trên báo *Cứu quốc* số 65, ngày 12-10-1945: “... Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức

làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề dầu khó đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới. Phải chăm lo việc cứu tế nạn nhân cho chu đáo, phải chú ý trừ nạn mù chữ cho dân. Nói tóm lại, hết thấy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý.

Ngoài ra, đối với tất cả mọi người trong các tầng lớp dân chúng, ta phải có một thái độ mềm dẻo khôn khéo, biết nhân nhượng, biết trọng nhân cách người ta. Phải tỏ cho mọi người biết rằng công việc là công việc chung, thiếu người ra gánh vác thì mình ra, nếu có người thay, mình sẽ nghỉ để làm việc khác, sẵn sàng nhường lại cho ai muốn làm và làm được. Nói tóm lại, muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thấy, phải có một tinh thần chí công vô tư”.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Raymond Aron., (1988) *Études sociologiques*. Paris: Presses Universitaire de France.
2. Raymond Boudon – François Bourricaud., (1982) *Dictionnaire Critique de la Sociologie*. Paris : PUF
3. Dahl, Robert A. *Who Governs?*. New Haven: Yale University Press, 1961. Dẫn lại từ <http://web.syr.edu/~csbell/whogoverns.html>.
4. Maurice Duverger., (1973) *Sociologie politique*. Paris: Presses Universitaire de France.
5. Hàn Lâm Hợp., (2004) *Max Weber*. Hà Nội: Nxb. Thuận Hóa.
6. Md. Saidul Islam (2008) “Power in Social Organization: A Sociological Review”, *Bangladeshe-Journal of Sociology*, vol.5, n°.
7. Robert Michels., (2001) *Political Parties: A sociological study of oligarchical tendency of modern democracy* [bản gốc xuất bản năm 1911]. Kichener, Ontario: Batoche Books.
8. Charles. W. Mills., (1956, 1957) *The Power Elite*. New York: Oxford University Press, fourth printing.
9. Jean-Pierre Durand - Robert Weil., (1999) *Sociologie contemporaine*. Paris: Vigot.
10. Guy Rocher., (1986) “Droit, pouvoir et domination”, *Sociologie et sociétés*, vol. 18, no.1, pp. 33-46.
11. Alexis de Tocqueville., (2002) *De la démocratie en Amérique*, vol. 1. Paris: Gallimard.
12. Bernard Valade., (1990) Pareto. La naissance d'une autre sociologie. Paris: Presses Universitaire de France.
13. Stanford Encyclopedia of Philosophy., (2005) Feminist Perspectives on Power. <http://plato.stanford.edu/entries/feminist-power>.
14. <http://fr.shvoong.com/social-sciences/political-science/1819137-le-concept-pouvoir>.
15. <http://www.humanists.net/pdhutcheon/Paper%20and%20Presentations/arendt.htm>.
16. <http://en.wikipedia.org>.
17. <http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=76&News=2899&CategoryID=3>

NOTE

1. Nguồn: <http://fr.shvoong.com/social-sciences/political-science/1819137-le-concept-pouvoir>.
2. Pat Duffy Hutcheon., (1996) Hannah Arendt on the Concept of Power. A paper presented in the conference of the Research Committee on the History of Sociology (International Sociological Association) at Amsterdam in May, 1996. Nguồn: <http://www.humanists.net/pdhutcheon/Paper%20>

and20Presentations/arendt.htm.

3. J.A.A. Van Doom (1962-1963) "Sociology and the problem of power", *Sociologia neerlandica*, I, pp. 3-47, dẫn tại từ Raymond Aron (1988) *Études sociologiques*, Paris: PUF, p. 44.

4. Max Weber., (1993) "Power, Domination and Legitimacy", in Olsen, Marvin E. and Martin N. Marget (ed). *Power in Modern Societies*. Boulder, Colorado: Westview Press. Được dẫn lại từ Md. Saidul Islam (2008) "Power in Social Organization: A Sociological Review", *Bangladeshe-Journal of Sociology*, vol.5, no. 1, p.2; Guy Rocher., (1986) "Droit, pouvoir et domination", *Sociologie et sociétés*, vol. 18, no.1, pp. 33-46.

5. Guy Rocher., (1986) "Droit, pouvoir et domination", *Sociologie et sociétés*, vol. 18, no.1, pp. 33-46.

6. Theo Marx, xã hội loài người trong các giai đoạn lịch sử và ở các khu vực khác nhau có thể trải qua 7 phương thức sản xuất khác nhau: cộng sản nguyên thủy, phương thức sản xuất châu Á, phương thức sản xuất Slave, phong kiến, tư bản, xã hội chủ nghĩa và cộng sản. Nguồn:

http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C6%B0%C6%A1ng_th%E1%BB%A9c_s%E1%BA%A3n_xu%E1%BA%A5t.

7. Vilfredo Federico Damaso Pareto (1848-1923) nhà xã hội học, kinh tế học và triết gia người Italia. Là người đã có nhiều đóng góp rất lớn cho xã hội học khi xác định đối tượng của xã hội học là nghiên cứu các hành động phi lôgic (non-logique) và lý thuyết ưu tuyển. Trong lĩnh vực kinh tế học, ông đã đóng góp nhiều cho lĩnh vực kinh tế học vi mô (microeconomics) khi nghiên cứu về phân phối thu nhập và sự lựa chọn của cá nhân. Năm 1906 ông cho công bố một kết quả khảo sát gây chấn động khi cho thấy có 20% người Italia nắm giữ đến 80% tài sản của quốc gia. Những đóng góp của ông như Hiệu suất Pareto (Pareto efficiency) và luật Phân phối Pareto (Pareto distribution) vẫn còn được ứng dụng nhiều trong phân tích kinh tế học hiện đại. Nguồn: http://en.wikipedia.org/wiki/Vilfredo_Pareto.

8. Robert Michels (1876-1936) là nhà xã hội học người Đức và là học trò của Max Weber. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *Political Parties: A sociological study of oligarchical tendency of modern democracy* [bản gốc xuất bản năm 1911]. Trong tác phẩm này, ông đã đề cập đến nguyên lý nền tảng của lý thuyết ưu tuyển đó là "Qui luật muôn đời của chế độ đầu sỏ" (Iron law of Oligarchy). Về chính trị, ông vốn là thành viên Đảng Dân chủ Xã hội Đức và sau đó chuyển sang Đảng Cộng sản Italia (ông chết tại Italia). Nguồn: http://en.wikipedia.org/wiki/Robert_Michels.

9. Gaetano Mosca (1858-1941) là nhà chính trị học, nhà báo và hoạt động xã hội người Italia. Ông cùng với W. Pareto và R. Michels hợp thành "bộ ba" trụ cột của trường phái lý thuyết ưu tuyển Italia (The Italian School of Elitists). Công trình chính yếu nhất của ông có thể kể là *The Ruling Class*. New York: McGraw Hill [1896, 1986]. Nguồn: http://en.wikipedia.org/w/index.php?title=Gaetano_Mosca&oldid=162189786.

10. Charles. W. Mills (1916-1961) nhà xã hội học Mỹ chịu ảnh hưởng tư tưởng của K. Marx và M. Weber một cách mạnh mẽ. Mặc dù sống không thọ nhưng những tác phẩm của ông đều là những đóng góp lớn cho xã hội học. Theo khảo sát vào năm 1997 do Hội Xã hội học quốc tế (International Sociological Association) thực hiện thì tác phẩm *The Sociological Imagination* (Trí tưởng tượng xã hội học) được xếp ở vị trí thứ hai trong số mười tác phẩm có ảnh hưởng lớn nhất đến giới xã hội học trong thế kỷ XX sau tác phẩm *Economy and Society* (Kinh tế và Xã hội) của Max Weber. Nguồn: http://en.wikipedia.org/wiki/C._Wright_Mills.

11. Thuật ngữ pluralism có nhiều cách dịch khác nhau, trong đó có tác giả dịch là "đa nguyên" nhưng chúng tôi không sử dụng từ đa nguyên vì có thể gây hiểu lầm trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

12. Alexis-Charles-Henri Maurice Clérel de Tocqueville (1805–1859) là đại biểu Quốc hội (1839–1848), Phó Chủ tịch Quốc hội và Bộ trưởng Ngoại giao (1849) của Pháp, đồng thời cũng là

nhà chính trị học, xã hội học và sử gia. Ông là tác giả của một số khảo luận về hệ thống chính trị của Hoa Kỳ sau này trở thành tác phẩm kinh điển. Tác phẩm Democracy in America (Nền dân chủ ở Hoa Kỳ gồm hai quyển đã được dịch sang tiếng Việt bởi nhóm dịch giả thuộc nhà xuất bản Tri thức) là một trong những khảo luận đầu tiên và sâu sắc nhất về lĩnh vực này, phân tích hệ thống lập pháp và hành pháp của Hoa Kỳ cùng ảnh hưởng của những định chế xã hội và chính trị đối với thói quen và cách hành xử của dân chúng. Nguồn: http://en.wikipedia.org/wiki/Alexis_de_Tocqueville.